

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I:
Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Tân Hội**

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đại biểu đảng bộ xã Tân Hội nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Thông báo số 636/TB-VP ngày 11/6/2026 của Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Văn Phước tại Hội nghị triển khai kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

UBND xã Tân Hội xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Tân Hội với một số nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội.

Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho người dân trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu đến năm 2028 xã Tân Hội được công nhận xã nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030).

- Phần đầu đến năm 2030 xã Tân Hội đạt xã nông thôn mới hiện đại.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn còn dưới 2,39%.
- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường.
- Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Chương trình thực hiện trên phạm vi địa bàn xã Tân Hội.

2. Đối tượng thụ hưởng

Các ấp, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo).

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn I của Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2030. Phân kỳ thực hiện cụ thể như sau:

- Năm 2026: Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Tân Hội giai đoạn 2026 – 2030; rà soát đối chiếu các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, hoàn thiện các chỉ tiêu chưa đạt.

- Năm 2027: Phần đầu đạt 10/10 tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới.
- Năm 2028: Xã Tân Hội được công nhận xã nông thôn mới.
- Năm 2029: Duy trì và nâng chất xã nông thôn mới
- Năm 2030: Phần đầu đạt xã nông thôn mới hiện đại.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Căn cứ theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Tân Hội thuộc xã nhóm 2. Vì thế các nội dung chương trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã: Gồm 10 nhóm tiêu chí chính và 52 nội dung chi tiết cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững (gồm 02 nội dung cụ thể).

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc.

- Nội dung 02: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể).

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế xã hội, nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù địa phương thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi có nguy cơ rủi ro cao.

- Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo

(điện mặt trời) phục vụ chiếu sáng nông thôn, sinh hoạt, sản xuất phù hợp điều kiện tại địa phương hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.

- Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Trong đó, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn xã; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 07: Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, kho lạnh, trung tâm sơ chế, sấy, chế biến, trung tâm cung ứng - thu mua nông sản tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất; đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương. Tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số. Tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các ấp). Tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các ấp hoặc liên ấp phù hợp với điều kiện của xã bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt; tổ chức khoanh định, công bố và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước nhằm bảo đảm khai thác, sử dụng nguồn nước bền vững; đẩy mạnh việc giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước tại các công trình cấp nước tập trung nhằm đảm bảo khai thác hợp lý, tiết kiệm và bền vững nguồn tài nguyên nước.

- Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp,

tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường kiểm soát các nguồn xả thải vào nguồn nước tại khu vực nông thôn; từng bước cải thiện chất lượng môi trường nước mặt, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Nội dung 12: Thực hiện bố trí ổn định dân cư (với các hình thức bố trí: Tập trung hình thành điểm dân cư mới; xen ghép vào các điểm dân cư hiện có hoặc ổn định tại chỗ đối với địa bàn không có quỹ đất để bố trí tái định cư) theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại điểm thường xảy ra thiên tai.

- Nội dung 13: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.

3. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể).

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh và nâng cao thu nhập bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân trên địa bàn xã so với bình quân chung của cả nước, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân, gắn với thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế nông thôn.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

- Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn xã, đặc biệt các hộ khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công

nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ.

- Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

- Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn xã; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

- Nội dung 05: Phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn phát triển nghề truyền thống theo hướng bền vững, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của địa phương; chuyển đổi số.

- Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng; đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững.

- Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong và ngoài tỉnh; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.

- Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng.

- Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô

hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển trên địa bàn xã, tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.

4. Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (gồm 05 nội dung cụ thể)

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật.

- Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

- Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài

tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn xã đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 04 nội dung cụ thể)

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công, nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng về trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để người dân được biết và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

- Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương.

- Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo,

quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.

6. Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 02 nội dung cụ thể)

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn; phát triển và nhân rộng các mô hình “ấp thông minh”.

7. Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể).

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình.

- Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh gắn với phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời) phục vụ chiếu sáng nông thôn, sinh hoạt, sản xuất. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây

dựng thí điểm một số mô hình “Nông nghiệp xanh”.

- Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm.

8. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 05 nội dung cụ thể).

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu một số tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khoẻ cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035”; Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

- Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

- Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia

xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035”.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 02 nội dung cụ thể)

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới các cấp.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

- Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.

10. Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững (gồm 04 nội dung cụ thể).

a) Mục tiêu

Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả quản trị Chương trình ở tất cả các cấp; bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan, minh bạch, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông từ Trung ương đến xã.

95% cán bộ cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia.

Tăng cường năng lực của hệ thống truyền thông, hình thành mạng lưới thông tin thống nhất từ trung ương đến cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh

ng nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

Tổ chức thực hiện sâu rộng, thiết thực, hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững bảo đảm tính lan tỏa, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

- Nội dung 02: Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

- Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

- Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐẠT MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Ngoài nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực, như: lồng ghép các chương trình, dự án có chung mục tiêu trên địa bàn, vốn tín dụng, huy động đóng góp từ cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch. Cụ thể:

1. Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp thực hiện chương trình: Dự kiến tổng nguồn vốn là 25.000 triệu đồng trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển là 10.000 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp là 15.000 triệu đồng.

2. Nguồn ngân sách địa phương (NSX): Vốn Đầu tư công và chi thường xuyên.

3. Nguồn vốn lồng ghép các Chương trình MTQG.

4. Nguồn tín dụng

5. Nguồn vận động doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục rà soát, thực hiện và ban hành đầy đủ các chương trình, kế

hoạch, lộ trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững theo hướng đồng bộ, thống nhất, dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên địa bàn xã. Thực hiện tích hợp các văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần, tiêu chí nông thôn mới nhằm giảm chồng chéo, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực điều hành. Trên cơ sở tổng nguồn vốn được giao, tham mưu trình Hội đồng nhân dân xã các Nghị quyết phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm theo phân cấp, tùy điều kiện thực tế tại địa phương chủ động quyết định phương án phân bổ, lồng ghép nguồn lực để đạt mục tiêu chung.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, bảo đảm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân. Làm rõ vai trò chủ thể của người dân trong tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình; trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu. Gắn công tác tuyên truyền với đào tạo, tập huấn cán bộ, nhân rộng các mô hình, điển hình thực tiễn; đẩy mạnh ứng dụng truyền thông số nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia tự giác của cộng đồng.

3. Tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng chuyển trọng tâm từ mở rộng phạm vi, số lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều; phấn đấu đạt mô hình nông thôn mới hiện đại, giảm nghèo xanh, bền vững thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng gắn với các giải pháp sinh kế, việc làm xanh, nhà ở bền vững.

4. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, bền vững; hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông nghiệp/du lịch sinh thái/du lịch cộng đồng đặc sắc, gắn với thể mạnh tại địa phương theo hướng xanh, bền vững; khuyến khích chuyển đổi số phù hợp với quy định, nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

5. Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các nội dung của Chương trình. Doanh nghiệp cần được tạo môi trường thuận lợi để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sinh kế và việc làm bền vững.

6. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định; bố trí đủ ngân sách địa phương; huy động tối đa nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình; rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên đầu tư tập trung, tránh dàn trải, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản; bảo đảm tính kế thừa, phát huy hiệu quả đầu tư giai đoạn trước. Ưu tiên bố trí vốn tín dụng chính sách xã hội từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình.

8. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội và lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân. Thực hiện khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân làm tốt; đồng thời chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí, vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa – xã hội và các ban ngành có liên quan, các Ban lãnh đạo ấp tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Chịu trách nhiệm tổng hợp chung, báo cáo định kỳ và đột xuất với UBND xã và các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa – xã hội và các ban ngành liên quan chủ trì nội dung thành phần thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 5 năm dự kiến giao cho từng phòng, ban ngành, Phòng Kinh tế tổng hợp, trình UBND xã quyết định giao các đơn vị thực hiện.

- Chỉ trì, phối hợp với phòng Văn hóa – xã hội hướng dẫn các đơn vị có liên quan và các ấp thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hàng năm sau khi được ban hành để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân xã kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo xã, đảm bảo công tác đôn đốc, chỉ đạo được thực hiện thường xuyên, liên tục; Phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các phòng, ban ngành và phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội xã trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và đơn vị có liên quan triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

- Kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã phân bổ nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã hỗ trợ kịp thời cho Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững để triển khai thực hiện đạt kết quả. Quản lý thanh toán, quyết toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định. Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổng hợp báo cáo định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng, năm) và đột xuất; cập nhật tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới, tiến độ giải ngân các nguồn vốn liên quan gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định. Kịp

thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc (nếu có) đến UBND xã, Sở ngành tỉnh có liên quan để được hỗ trợ, hướng dẫn tháo gỡ kịp thời.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân xã phát động và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; hướng dẫn các phòng, ngành và các ban ấp tổ chức triển khai, thực hiện.

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2026 - 2035 hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa cơ sở góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần được giao thuộc Chương trình. Triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn, lao động, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 để hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển y tế cơ sở, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

- Lập dự toán sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm và hàng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Phòng Kinh tế tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Kinh tế để tổng hợp báo cáo.

3. Văn phòng HĐND và UBND, Công an, Ban Chỉ huy Quân sự xã được phân công chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Xây dựng và đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể thực hiện các nội dung Chương trình gửi Phòng Kinh tế để tổng hợp trong kế hoạch chung trình Ủy ban nhân dân xã ban hành, tổ chức thực hiện.

- Lập dự toán sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm và hàng năm để triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Kinh tế để tổng hợp báo cáo.

4. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã

- Phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, thông tin rộng rãi nội dung của Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, viên chức, và nhân dân được biết và thực hiện.

- Xây dựng và đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể thực hiện các nội dung thành phần 5 năm và hằng năm gửi Phòng Kinh tế để tổng hợp trong kế hoạch chung trình Ủy ban nhân dân xã ban hành, tổ chức thực hiện.

- Lập dự toán sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Phòng Kinh tế tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Hướng dẫn, triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Kinh tế để tổng hợp.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Phối hợp với các phòng, ban ngành xã có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu về Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, thủ tục hành chính theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$.

- Lập dự toán sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Phòng Kinh tế tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Kinh tế để tổng hợp.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xã

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa – Xã hội xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung có liên quan, tăng cường công tác tuyên truyền vận động thực hiện các mục tiêu kế hoạch Chương trình. Vận động, huy động các nguồn lực xã hội, thực hiện các mô hình dự án hỗ trợ thực hiện đạt tiêu chí và lộ trình xã nông thôn mới theo kế hoạch này.

- Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 – 2030”, cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 – 2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội đối với công tác triển khai kế hoạch Chương trình và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Lập dự toán sử dụng ngân sách, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Kinh tế để tổng hợp.

7. Các áp tham gia thực hiện Chương trình

Phối hợp với các phòng, ban ngành xã có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung thành phần, nội dung cụ thể của Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND xã, Ban Chỉ đạo xã chỉ đạo xử lý kịp thời. Các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng (ngày 15 của tháng 3, 6, 9), báo cáo năm (ngày 10 tháng 12) về Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã (thông qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp theo dõi, phối hợp thực hiện và báo cáo Thường trực Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã Tân Hội giai đoạn 2026 – 2030. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Thủ trưởng các phòng, ban ngành xã có liên quan, Trưởng các Ban ấp xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh AG;
- VPĐP XD NTM và GNBV tỉnh AG;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT;
- BTT UBMTTQVN xã;
- LĐVP và CVNC;
- Các Phòng, ban ngành liên quan;
- Ban lãnh đạo ấp;
- Lưu: VT.PKT, dtnloan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Vũ

Phụ lục I
LỘ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội)

Lộ trình thực hiện nông thôn mới xã Tân Hội giai đoạn 2026-2030				
Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Tân Hội giai đoạn 2026 – 2030; rà soát đối chiếu các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, thực hiện các tiêu chí chưa hoàn thiện.	Phấn đấu đạt 10/10 tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới.	Xã Tân Hội được công nhận xã nông thôn mới.	Duy trì và nâng chất xã nông thôn mới;	Phấn đấu đạt xã nông thôn mới hiện đại.

Phụ lục II

Các tiêu chí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Tân Hội

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội)

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu Chung	Tiêu chuẩn (nhóm 2)
1	Quy hoạch	1.1 Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và thời gian ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo theo quy hoạch được phê duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

				- Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì;
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Khá
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối

				với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất.	Đạt	- Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn các thôn thuộc xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân 9,5% - 12%/năm	$\geq 10,5\%$

		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	≥ 02 mô hình
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030; - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.

		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	≥ 02 Hợp tác xã
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	≥ 01
		3.8. Tỷ lệ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 50\%$
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01

4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.	$\geq 27\%$	$\geq 35\%$
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông.	Đạt	$\geq 50\%$
5	Văn hóa, giáo dục và y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa.	Đạt	Đảm bảo đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số và (6) Về nhân lực quản lý văn hóa.
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục.	Đạt	- Tỷ lệ trường học các cấp (tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia đạt $\geq 70\%$. - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt $\geq 75\%$. - 100% cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày. - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt $\geq 80\%$.

				- Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất đạt 100%. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi. - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Đạt
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội.	Đạt	Đạt
6	Giảm nghèo, an sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$

		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 70\%$, trong đó phải có $\geq 40\%$ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Đạt	Đạt
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.	Đạt	- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 -2030 đạt từ 25% trở lên. - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia. - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ. - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình

				ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp.
				- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	- 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực.
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn.	Đạt	Đạt
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 85\%$.

				Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$.
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt
		7.4. Có mô hình thôn (ấp) thông minh	≥ 1 mô hình	≥ 1 mô hình
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt	Đạt	- Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

		được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh		- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn xã được phân loại, thu gom, xử lý đạt từ 80% trở lên. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp, công đoạn xử lý chất thải khác (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã.
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ³ , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%

		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Phương án thoát nước và thu gom: Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Chỉ tiêu xử lý nước thải sinh hoạt: Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$. Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên.
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt

	công	9.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt từ 90% trở lên.	Đạt	Đạt
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng. điều kiện hoạt động	Đạt	- An ninh, trật tự được bảo đảm.
				- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả.
				- Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng và điều kiện hoạt động
		10.3.Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt

Phụ lục III

Phân công thực hiện các tiêu chí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Tân Hội

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ¹ , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Phòng Kinh tế	Các ấp và UBMTTQVN xã
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới		
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã		
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Phòng Kinh tế	TTDVTH, các ấp và UBMTTQVN xã
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và	Phòng Kinh tế	

¹ Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
		tiêu nước chủ động		
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Phòng Kinh tế	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	Phòng Kinh tế	
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Phòng Văn hóa - Xã Hội	TTDVTH
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Phòng Kinh tế	Các ấp và UBMTTQVN xã
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	TTDVTH	Các ấp và UBMTTQVN xã, phòng Văn hóa - Xã hội, phòng Kinh tế
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương		
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Phòng Văn hóa - Xã hội	TTDVTH
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Phòng Kinh tế	Các ấp và UBMTTQVN xã
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	TTDVTH	
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	UBMTTQVN xã (Hội nông dân xã)	Các ấp
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Phòng Kinh tế	Các ấp và UBMTTQVN xã, phòng Văn hóa - Xã hội
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật		
4	Đào tạo	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Phòng Văn	Các ấp và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
	nguồn nhân lực nông thôn	có bằng cấp, chứng chỉ	hóa - Xã hội	UBMTTQVN xã
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông		Trường THPT
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các ấp và UBMTTQVN xã
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục		Các trường
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Trạm Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội		
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	Phòng Kinh tế	Các ấp và UBMTTQVN xã
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố		
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Phòng Kinh tế	Các ấp
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an ² ”	UBMTTQVN xã (Hội LHPN xã)	Các ấp
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trạm Y tế, Các ấp, UBMTTQVN

² 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)		xã
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế, Trạm Y tế	Các ấp
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Phục vụ hành chính công
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Phòng Kinh tế	Các ấp
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	Phòng Văn hóa - Xã hội	TTDVTH, Các ấp và UBMTTQVN xã
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Phòng Kinh tế	Các ấp và UBMTTQVN xã

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón 8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ³, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường 8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường 8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn		
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các Ban xây dựng Đảng (UBMTTQVN xã + VP Đảng ủy + VP HĐND – UBND)

³ Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	VP HĐND-UBND	Các ấp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Công an xã	Các ấp và UBMTTQVN xã
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Công an xã	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	BCH Quân sự xã	